TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07 – 7 – 2023
Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hồ Minh Chí.
- Ông Trương Công Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Tô Huyền Trang, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 07 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Huyền T; sinh năm: 1994 (có mặt);

Địa chỉ nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Đỗ Minh T’; sinh năm: 1993 (vắng mặt);

Địa chỉ nơi cư trú: Cống K, khóm S, phường N, thành phố C, tỉnh Cà Mau;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Huyền T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đỗ Minh T’ chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau vào ngày 12/12/2014. Trong quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn về quan điểm, cuộc sống không còn hợp nhau và đã ly thân từ năm 2020 đến nay. Hiện tại chị xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm nên chị yêu cầu ly hôn anh T’.

Về con chung: Có 02 con chung tên Đỗ Nhật Đ, sinh ngày 23/5/2015; Đỗ Ngọc Khánh Đ’, sinh ngày 29/10/2019, hiện 02 cháu đang sống với chị. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu anh T’ cấp dưỡng.

Tài sản chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai không nợ ai và không ai nợ lại anh, chị.

- Đối với anh Đỗ Minh T’, mặc dù đã được Tòa án niêm yết hợp lệ nhiều lần đến phiên tòa để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án nhưng anh T’ vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Đỗ Minh T’ đã được niêm yết hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng anh vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Đỗ Minh T’ chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau tại số 130 vào ngày 12/12/2014 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận bảo vệ. Trong quá trình chung sống theo chị T xác định thời gian đầu hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm, cuộc sống không còn hợp nhau và anh chị đã ly thân từ năm 2020. Nay chị xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn tình cảm nên chị yêu cầu ly hôn anh T’. Đối với anh T’ không đến Tòa án tham gia phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc chị T xin ly hôn. Xét thấy: Đời sống hôn nhân của anh, chị đã thực sự không còn, mâu thuẫn là có xảy ra, anh chị có thời gian dài ly thân, anh T’ không có biện pháp hàn gắn vợ chồng, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị được ly hôn anh T’.

[3] Về con chung: Chị T xác định có 02 con chung tên Đỗ Nhật Đ, sinh ngày 23/5/2015; Đỗ Ngọc Khánh Đ’, sinh ngày 29/10/2019, hiện 02 cháu đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung. Đối với anh T’ không đến Tòa án cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc nuôi dưỡng chăm sóc, con chung. Xét thấy, hiện 02 cháu Nhật Đ và Khánh Đ’ đang sống với chị T, nguyện vọng cháu Nhật Đ cũng muốn sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn và tránh xáo trộn cuộc sống sinh hoạt nên Hội đồng xét xử thống nhất giao 02 cháu Nhật Đ và Khánh Đ’ cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T’ không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét;

[6] Về nợ chung: Chị T khai vợ, chồng không nợ ai và không ai nợ lại vợ, chồng nên không đặt ra giải quyết.

[7] Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Huyền T về việc xin ly hôn anh Đỗ Minh T'.

- Về con chung: Giao 02 cháu Đỗ Nhật Đ, sinh ngày 23/5/2015; Đỗ Ngọc Khánh Đ', sinh ngày 29/10/2019 cho chị Nguyễn Thị Huyền T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đỗ Minh T' có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị T xác định không có.

- Về nợ chung: Chị T khai không nợ ai.

- Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu 300.000đ. Ngày 12 tháng 4 năm 2023, chị T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai số 0003192 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau nên được đối trừ chuyển thu sung công quỹ nhà nước.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lê Thị Thu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.